

Bản án số: 56 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 4 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THUỐC TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hùng

2. Ông Lò Văn Trục

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh T H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị Y; Sinh năm 2000 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn L T, xã L N, huyện B T, tỉnh T H.

Bị đơn: Anh Hà Văn T; Sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn L T, xã L N, huyện B T, tỉnh T H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị Lương Thị Y trình bày: Chị Y và anh Hà Văn T là người cùng thôn tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau. Anh chị có tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã L N, huyện B T vào ngày 26 tháng 07 năm 2018. Sau khi lấy nhau cuộc sống hôn nhân bình thường được hơn một năm.

Từ năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T ham chơi cờ bạc còn đánh đập chị Y.

Mâu thuẫn gắt gỏng nhất vào tháng 5 năm 2021 anh T đánh đập chị Y, chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Ngày 04 tết tức là ngày 04/02/2022 anh T sang nhà chị Y, xông vào bóp cổ chị Y trước mặt bố mẹ đẻ chị Y và đưa con chung về nhà nội không được sự đồng ý của chị Y. Mâu thuẫn không thể dung hòa và chị Y không còn tình cảm với anh T nên thiết tha xin ly hôn.

Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là cháu Hà Phú V, sinh ngày 05/11/2018. Khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Quá trình hòa giải chị Y thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chấp nhận mức cấp dưỡng tự nguyện của anh T là 1.500.000đ/tháng (Biên bản hòa giải BL29-30).

Tài sản: Không có, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có

Bị đơn chị anh Hà Văn T trình bày: Về hôn nhân anh T và chị Y tự nguyện lấy nhau, tự nguyện đi đăng ký kết hôn như chị Y trình bày là đúng.

Khoảng cuối năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Mỗi lần giận nhau anh T hỏi chị Y không trả lời. Tuy nhiên anh T cũng có sai, có lần anh T đi đánh bài chị Y đi tìm đập cửa gọi về rồi vợ chồng cãi nhau. Anh T có tát chị Y 01 cái thì chị Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay. Nhiều lần gia đình anh T xuống đưa chị Y về nhưng chị Y không về. Ngày 04 tết năm 2022 tức ngày 04/02/2022 anh T có uống ít rượu nên anh đã đến nhà bố mẹ đẻ chị Y hai bên nói qua nói lại. Anh T chỉ dùng tay xiết cổ chị Y, được bố mẹ đẻ chị Y can ngăn nên anh bực mình đưa con chung về nhà nội. Anh T mong chị Y suy nghĩ lại và quay về đoàn tụ.

Về con chung : Anh T và chị Y có 01 con chung là cháu Hà Phú V, sinh ngày 05/11/2018. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung nếu chị Y cương quyết nuôi con thì anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Y giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, khi ly hôn chị Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ một tháng.

Tại phiên tòa anh T không đồng ý ly hôn. Nếu phải ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và nếu chị Y nuôi con anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS. Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Y ly hôn anh Thực. Giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Phú V, sinh ngày 05/11/2018 cho đến tuổi thành niên. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Về tài sản và nợ chung chị Y và anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Lương Thị Y và anh Hà Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] Tình trạng hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị Lương Thị Y và anh Hà Văn T đã đến mức trầm trọng. Cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người một nơi không chung mục đích. Nay chị Y xác định không còn tình cảm vợ chồng và thiết tha xin ly hôn với anh Thực. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lương Thị Y được ly hôn anh Hà Văn T.

Về con chung. HĐXX căn cứ các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Giao chị Lương Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Phú V, sinh ngày 05/11/2018 cho đến tuổi thành niên. Anh Hà Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ một tháng. Kể từ tháng 06 năm 2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Lương Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 và anh Hà Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Yến. Xử cho chị Lương Thị Yến ly hôn anh Hà Văn Thực.

3. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Phú V, sinh ngày 05/11/2018 cho đến tuổi thành niên. Anh Hà Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu Hà Phú V đủ 18 tuổi.

- Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Anh Hà Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Lương Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008545 ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T (chị Y đã nộp đủ).

Anh Hà Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm có mặt chị Lương Thị Y và anh Hà Văn T. Chị Y và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- THA dân sự huyện B T
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên